

BÀI TẬP MICROSOFT EXCEL

Phần 1: Bài tập định dạng bảng tính

Bài 1. Thực hành kỹ năng định dạng dữ liệu trong Excel. Yêu cầu:

a) Tạo một file đặt tên là Baitap_Excel_1

- Soạn thảo 3 sheet: TT_Chung, TT_Nhansu, TT_Hocsinh. Các ô nhập liệu (Tên trường, Mã trường ...) đặt màu nền xanh nhạt. Sau khi soạn thảo xong hãy bỏ chế độ hiển thị lưới (Gridlines). Nội dung các sheet được mô tả như sau

1. Sheet “TT_chung”

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q
1																	
2	HỒ SƠ TRƯỜNG THCS ĐẦU NĂM																
3	Tên trường																
4																	
5																	
6	Mã trường: Năm báo cáo:																
7																	
8	1. Thông tin định dạng trường																
9																	
10	Tỉnh/thành phố:								Tên hiệu trường:								
11	Huyện/quận:								Điện thoại:								
12	Xã/phường:								Fax:								
13	Địa chỉ trường:								Email:								
14									Web:								
15	Trường b.giới:								Số điểm trường:								
16																	
17																	
18	Ngày tháng				Người báo cáo				Chức vụ								
19																	
20																	
21																	
22																	
23																	
24																	
25																	
26																	
27																	
28																	

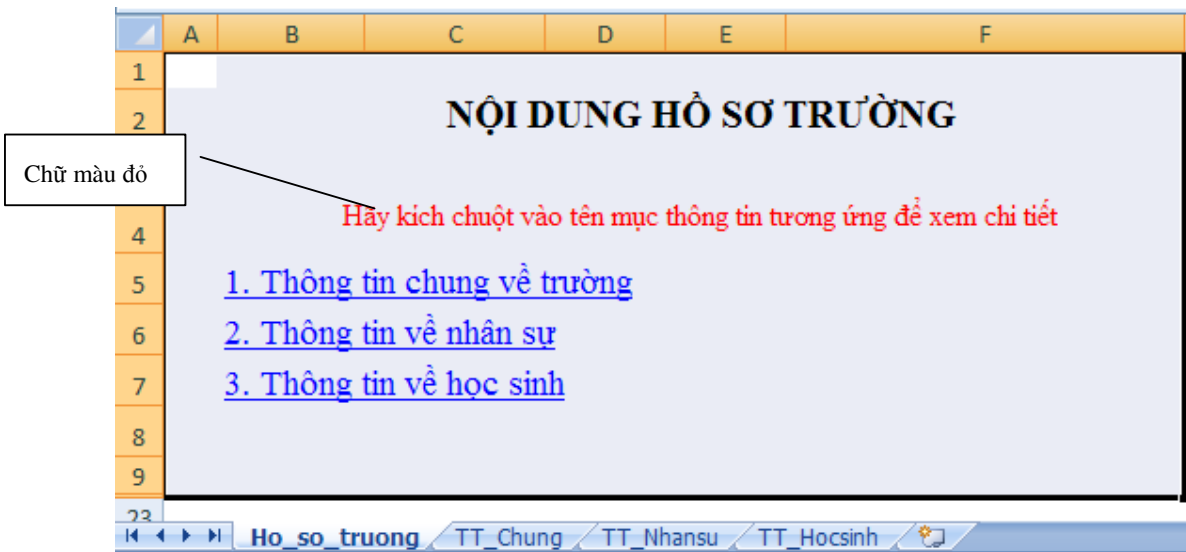
2. Sheet “TT_Nhansu”

2. Thông tin về nhân sự (Chỉ nhập số liệu cho các ô màu xanh nhạt)								
Tiêu đề nền màu xám	Nhân sự	Tổng số	Trong tổng số		Chia theo chế độ lao động			
			Nữ	Nam	Biên chế		Hợp đồng	
					Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ
Hàng này nền màu xanh	TỔNG SỐ CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN (*)							
	2.1. Giáo viên							
	2.1.1. Số giáo viên chia theo môn học							
Hàng này nền màu vàng	Chia ra: Khoa học tự nhiên							
	Khoa học xã hội							
	Các môn khác							
Hàng này nền màu vàng	2.1.2. Số giáo viên chia theo độ tuổi							
	Chia ra: Dưới 31							
	Từ 31- 50							
Các ô nhập liệu màu nền xanh nhạt	Trên 50							
	(*) Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên = 2.1 + 2.2 + 2.3							
	Nhân sự	Tổng số	Trong tổng số		Chia theo chế độ lao động			
			Nữ	Nam	Biên chế		Hợp đồng	
					Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ
	2.2. Cán bộ quản lý							
	Chia ra: Hiệu trưởng							
	Phó hiệu trưởng							
	Chuyên trách đoàn đội							
	2.3. Số cán bộ nhân viên khác							
	Chia ra: CB thư viện							
	CB thí nghiệm							
	NV khác							

3. Sheet “TT_Hocsinh”: Đổi màu nền các khu vực để dễ nhìn

3. Thông tin về học sinh						
Loại học sinh	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
TỔNG SỐ HỌC SINH						
Trong tổng số: Nữ						
Dân tộc						
3.1. Số HS khuyết tật						
Nữ						
Nam						
3.2. Số HS con TB, LS						
Nữ						
Nam						
3.3. Số HS còn lại						
Nữ						
Nam						

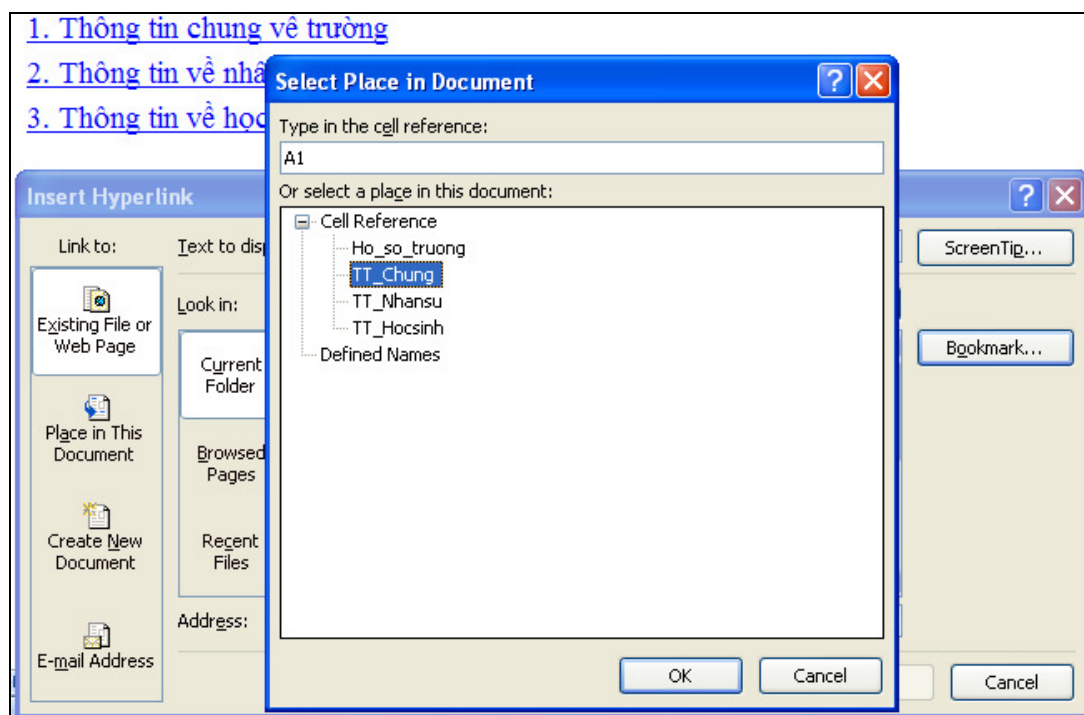
b) Chèn thêm một sheet vào trước sheet “TT_Chung” trong **phần a**, đặt tên là “Ho_so_truong”. Nội dung như sau:



Tạo các đường link tương ứng với các sheet để người dùng click chuột vào link này sẽ chuyển đến sheet tương ứng.

Cách tạo link đến các sheet: Click chuột phải vào chữ cần tạo link -> chọn Hyperlink -> chọn Bookmark và chọn tên Sheet tương ứng -> OK (để xóa link: Click chuột phải vào chữ cần xóa link-> Remove Hyperlink).

Hình minh họa cách tạo Hyperlink



	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M
1													
2	TÊN LỚP	THỜI GIAN	PHÒNG										
3	THCS01_10	Sáng thứ 2: Từ 7h15 - 11h00	P. 406D1										
4	THCS02_10	Sáng thứ 4: Từ 7h15 - 11h00	P. 402D2										
5	THCS03_10	Chiều thứ 3: Từ 12h30 - 16h15	P. 405C										
6													
7													
8													
9													
10													
11													
12													
13													
14													

THỜI KHÓA BIỂU MÔN TIN HỌC CƠ SỞ
22 Lớp, đợt 1 năm học 2010 - 2011

Sinh viên lưu ý:

- Để xem danh sách từ lớp, click vào tên lớp tương ứng ở cột "Tên lớp" hoặc click vào tên Sheet ở bên dưới (Lớp_1, Lop_2)
- Sinh viên kiểm tra thông tin của mình trong danh sách đã đăng ký. Nếu muốn hủy đăng ký thì thực hiện trước ngày 11/10/2010, từ ngày 11/10/2010 nếu tự ý bỏ học sẽ được tính điểm 0 môn học này.

Navigation bar: Huongdan | Lop_1 | Lop_2 | Lop_3

A	B	C	D	E	F	G
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI -----o0o-----			CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----o0o-----			
DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ 2010-2011 KHÓA ĐỢT 1 Môn: VIE212: Tin học cơ sở Lớp: THCS01_10						
STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	SV Lớp	Ghi chú
1	1007050009	Vũ Nguyệt Ánh	11/1/1992	Nữ	4Đ-10	
2	1007010028	Nguyễn Thị Ngọc Bích	7/13/1992	Nữ	7A-10	
3	1007060010	Bùi Lê Yến Chi	2/8/1993	Nữ	4NB-10	
4	1007010040	Nguyễn Công Đô	9/23/1991	Nam	7A-10	
5	1007030016	Đặng Mai Thuý Dương	3/22/1992	Nữ	2P-10	
6	1007060018	Nguyễn Thái Kim Dương	7/5/1992	Nữ	4NB-10	
7	1007010053	Bùi Thị Hương Giang	3/14/1992	Nữ	7A-10	
8	0904040028	Lại Ngọc Hân	2/4/1991	Nữ	3TC-09	
9	1007050025	Mạc Hồng Hạnh	1/7/1992	Nữ	4Đ-10	
10	1007050033	Hoàng Thu Hồng	6/29/1992	Nữ	4Đ-10	

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

Hà Nội, Ngàythángnăm 2010

TL. HIỆU TRƯỞNG

3. Sheet “Lop_2”

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	SV Lớp	Ghi chú
1	1007090006	Phạm Hà Anh	6/29/1992	Nữ	2I-10	
2	0901040003	Võ Thị Phương Anh	2/20/1991	Nữ	2C-09	
3	1007010022	Lê Thị Ngọc ánh	4/10/1992	Nữ	6A-10	
4	1007010026	Đặng Thị Bích	11/20/1992	Nữ	8A-10	
5	1007010039	Trần Thị Dinh	5/2/1992	Nữ	8A-10	
6	1007050016	Phạm Danh Nam Dương	9/15/1992	Nam	2Đ-10	
7	1007030022	Đặng Thị Diệu Hằng	8/21/1992	Nữ	3P-10	
8	1007010084	Nguyễn Thị Hạnh	11/19/1992	Nữ	6A-10	
9	1007050029	Mai Ngọc Hiếu	6/16/1992	Nam	4Đ-10	
10	0901040034	Nghiêm Mạnh Hùng	10/14/1988	Nam	3C-09	

Hà Nội, Ngàythángnăm 2010
 NGƯỜI LẬP DANH SÁCH TL. HIỆU TRƯỞNG

4. Sheet “Lop_3”

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	SV Lớp	Ghi chú
1	1007040004	Đặng Tuấn Anh	1/6/1992	Nam	1T-10	
2	0904000005	Nghiêm Xuân Bách	10/17/1991	Nam	5K-09	
3	0904040011	Hoàng Ngọc Bích	10/1/1991	Nữ	1TC-09	
4	0904000017	Lê Việt Đức	8/28/1991	Nam	2K-09	
5	0904000030	Nguyễn Hoàng Hiệp	12/30/1991	Nam	4K-09	
6	0904040033	Nguyễn Hồng Huệ	1/29/1991	Nữ	4TC-09	
7	0904000039	Ngô Thị Mai Hương	9/26/1991	Nữ	1K-09	
8	0904010051	Trần Thị Hường	6/8/1991	Nữ	4KT-09	
9	0904000035	Mai Quang Huy	5/25/1991	Nam	2K-09	
10	1007040086	Đỗ Thanh Huyền	4/1/1992	Nữ	1T-10	

Hà Nội, Ngàythángnăm 2010
 NGƯỜI LẬP DANH SÁCH TL. HIỆU TRƯỞNG

Bài 3. Sử dụng Format cells (định dạng kiểu ngày, số, đơn vị tiền tệ, bảng tính...) thực hiện chức năng thay đổi độ rộng cột, chiều cao hàng, chức năng freeze panes, sắp xếp bảng tính.

TT	Ngày bán (dd/mm/yyyy)	Mã hàng	Số lượng (Tấn)	Đơn giá (USD)	Thành tiền (USD)	Thành tiền (VNĐ)
1	12/05/2012	X001	100	\$100		
2	01/07/2012	T002	567	567		
3	30/07/2012	C002	755	755		
4	01/02/2012	X004	56	56		
5	30/07/2012	G002	35	35		
6	12/05/2012	N005	90	90		
7	27/07/2012	N004	15	15		
8	04/02/2012	G002	60	60		
9	22/08/2012	N005	120	120		
10	11/12/2012	N004	10	10		

Bài 4. Sử dụng Format cells (định dạng kiểu số, đơn vị tiền tệ, bảng tính...) thực hiện chức năng thay đổi độ rộng cột, chiều cao hàng, chức năng freeze panes, sắp xếp bảng tính.

TT	Họ đệm	Tên	Mã ngạch	Tên ngạch	Tên đơn vị	Lương CB
001	Đào Hoa	Mai	01003	Chuyên viên	Phòng Hành chính	1200000
002	Ngô Văn	Nhu	01002	Chuyên viên chính	Phòng Hành chính	1850000
003	Nguyễn	Hương	01001	Chuyên viên cao cấp	Phòng QLCL	1600000
004	Quốc	Khánh	01003	Chuyên viên	Phòng Khoa học	950000
005	Phạm	Thành	01002	Chuyên viên chính	Phòng Quản trị	1000000
006	Trần	Thùy	06033	Kỹ sư	Phòng Tài chính	2000000
007	Nguyễn	Hương	01003	Chuyên viên	Phòng Thiết bị	2200000
008	Lê	Dung	01003	Chuyên viên	Phòng Kinh doanh	1800000

Thực hiện các yêu cầu sau:

- Sắp xếp danh sách theo thứ tự ưu tiên Tên, Họ đệm.
- Định dạng cột Lương CB theo tiền Việt Nam đồng.
- Sử dụng chức năng freeze panes cố định 3 cột bên trái và dòng đầu tiên.
- Đặt lọc cho danh sách để người dùng có thể lọc danh sách theo bất cứ cột nào.
- Trích danh sách những cán bộ là chuyên viên.

Phần 2: Các hàm số trong Excel

Bài 5. Sử dụng Format cells (định dạng dữ liệu, sắp xếp, tính toán cơ bản).

BẢNG THỐNG KÊ BÁN HÀNG NĂM 2012

STT	Mã SP	Ngày bán	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền VND
1	SRP	05/12/2012	7	700		
2	SAQ	05/05/2012	10	100		
3	CAQ	02/02/2012	20	200		
4	TAQ	02/04/2012	15	215		
5	SNP	15/04/2012	18	218		
6	SNP	16/04/2012	4	124		
7	TNQ	02/04/2012	17	417		
8	CNQ	15/04/2012	9	129		
9	CRP	16/04/2012	30	130		
10	SAQ	15/04/2012	17	117		

- Tính Thành tiền = Đơn giá * Số lượng (định dạng đơn vị tiền tệ là USD)
- Tính Thành tiền VND = Thành tiền * 21000 (định dạng đơn vị tiền tệ là VND, có dấu phân cách hàng nghìn).
- Sắp xếp bảng tính trên theo mã sản phẩm tăng dần

Bài 6. Sử dụng Format cells (định dạng dữ liệu, sắp xếp, tính toán cơ bản).

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT BÁN HÀNG THÁNG 12/2012

STT	Mã chứng từ	Ngày nhập	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế VAT	Tổng cộng
1	SRP	05/12/2012	Chuột	7	700			
2	SAQ	05/05/2012	Bàn phím	10	100			
3	CAQ	02/02/2012	Màn hình	20	200			
4	TAQ	02/04/2012	USB	15	215			
5	SNP	15/04/2012	Webcam	18	218			
6	SNP	16/04/2012	Webcam	4	124			
7	TNQ	02/04/2012	USB	17	417			
8	CNQ	15/04/2012	Đĩa CD	9	129			
9	CRP	16/04/2012	Đĩa DVD	30	130			
10	SAQ	15/04/2012	Bàn phím	17	117			
Tổng cộng:								

- a) Tính cột Thành tiền = Số lượng * Đơn giá (định dạng đơn vị tiền tệ là USD)
- b) Tính Thuế VAT = 10%* Thành tiền.
- c) Tính Tổng cộng = Thành tiền + Thuế VAT
- d) Sắp xếp bảng tính trên theo Mã chứng từ tăng dần, nếu trùng mã chứng từ thì sắp xếp theo ngày nhập giảm dần.
- e) Thực hiện chức năng Freeze Panes cho cột dữ liệu Mã chứng từ.

Bài 7. Một số hàm cơ bản. Cho bảng dữ liệu sau:**KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP NĂM 2012-2013**

TT	Tên	Giới tính	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Điểm trung bình	Kết quả	Xếp hạng
1	Hùng	Nam	4	7	2			
2	Bình	Nữ	6	8	9			
	Vân	Nữ	8	9	4			
	Bình	Nam	9	10	10			
	Doanh	Nam	5	8	7			
	Loan	Nữ	5	4	4			
	Anh	Nam	9	6	9			
	Thu	Nữ	4	10	10			
	Khánh	Nam	6	7	6			
	Ngân	Nữ	10	8	10			

- a) Đánh số tự động cho các ô dấu hỏi trong cột TT.

Tính Điểm trung bình = (Toán *2 + Văn*2 +Ngoại ngữ)/5.

Làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- b) Điền vào cột Kết quả: nếu Điểm trung bình >=5 điền là “Đỗ”, ngược lại là “Trượt”.
- c) Tính điểm trung bình, cao nhất, thấp nhất theo từng môn thi vào bảng sau.

Nội dung	Môn toán	Môn văn	Môn ngoại ngữ
Điểm cao nhất			
Điểm thấp nhất			
Điểm trung bình			
Điểm trung bình của các bạn Nam			

- d) Xếp hạng cho học sinh.
- e) Thêm vào cột Khen thưởng sau cột Xếp hạng, điền dữ liệu cho cột Khen thưởng như sau:
hạng 1 thưởng 200.000, hạng 2 thưởng 100.000, còn lại không được thưởng.

Bài 8. Một số hàm cơ bản. Cho bảng dữ liệu sau:

DANH SÁCH THUỞNG THÁNG 3, CÔNG TY ANZ

TT	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày công	Thưởng 8-3	Thưởng A
1	Trần Thanh	Mai	Nam	25		
2	Phạm Hùng	Cường	Nam	24		
3	Lê Ngọc	Mơ	Nữ	26		
4	Phạm Hùng	Dũng	Nữ	22		
5	Nguyễn Thành	Công	Nam	27		
6	Lê Hoài	Bắc	Nữ	25		
7	Vũ Ngọc	Minh	Nam	21		
8	Nguyễn Mai	Lan	Nữ	26		

- a) Thưởng 8-3: thưởng 200.000 cho những nhân viên Nữ, còn lại không được thưởng.
- b) Thưởng A: thưởng 300.000 cho những nhân viên có ngày công ≥ 24 , còn lại không được thưởng.
- c) Thêm vào cột Thưởng B: thưởng 100.000 cho những nhân viên Nam có ngày công > 26 hoặc nhân viên Nữ có ngày công > 25 .

Bài 9. Sử dụng MS Excel hoàn thành bảng dữ liệu dưới đây:

BẢNG CHI TIẾT BÁN HÀNG

STT	Mã hàng	Tên hàng	Ngày bán	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	BDDQ		05/05/2012	12		
2	BDNT		06/08/2012	25		
	CT		07/03/2012	10		
	BDGN		08/03/2012	60		
	BDTS		09/08/2012	22		
	BDGN		06/01/2012	24		
	CT		06/03/2012	100		
	BDTS		07/06/2012	240		
	BDTS		09/08/2012	15		
	CT		10/08/2012	5		

- a) Thực hiện:
- Thao tác tự động điền dữ liệu vào cột STT (theo thứ tự tăng dần 1,2,3...).
 - Điền cột Tên hàng: Nếu 2 ký tự đầu của Mã hàng là “CT” ghi là “Công tắc” còn lại ghi là “Bóng đèn”.
- b) Tính Đơn giá dựa vào 2 ký tự cuối của Mã hàng và bảng sau:

Mã hàng	Đơn giá
DQ	12.000
TS	14.500
NT	16.000
GN	15.000
CT	3.000

- c) Thành tiền = Số lượng * Đơn giá. Nếu ngày bán sau ngày 01/06/2012 thì giảm 10% thành tiền.
- d) Hoàn thành bảng thống kê sau:

Tên hàng	Tổng số
Công tắc	
Bóng đèn	

Bài 10. Một số hàm cơ bản. Cho bảng dữ liệu sau:

DANH SÁCH LƯƠNG THÁNG 12 CHO CÁN BỘ CÔNG TY ABC

TT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Lương CB	Ngày	Lương	Tạm ứng
1	Đào Mai	GD	1967	900	20		
2	Ngô Nhu	PGD	1975	750	26		
3	Mai Lan	PGD	1968	600	25		
4	Ngọc Lân	TP	1958	450	23		
5	Nguyễn Hương	TP	1982	600	23		
6	Quốc Khánh	PTP	1977	450	22		
7	Phạm Thành	PTP	1956	300	19		
8	Trần Thuỷ	NV	1972	300	18		
9	Nguyễn Hương	NV	1985	300	27		
10	Lê La	NV	1986	300	28		

- a) Thêm vào cột Tuổi bên phải cột Năm sinh theo ngày giờ hệ thống, sau đó tính tuổi của cán bộ, nhân viên.
- b) Tính lương của nhân viên = Lương CB * NGÀY.
- c) Tính tạm ứng = 80% * Lương.
- d) Thêm vào một cột Thưởng kế cột Lương, tính thưởng
- Trong đó: Nếu chức vụ là GD thưởng 500000, PGD thưởng 400000, TP thưởng 300000, PTP thưởng 200000, còn lại thưởng 100000.
- e) Thêm vào cột Còn lại ở cuối bảng tính, tính Còn lại = Lương + Thưởng – Tạm ứng.
- f) Tính tổng số tiền còn phải chi cho cán bộ, nhân viên theo danh sách trên; Tính lương bình quân. Tính lương cao nhất, Lương thấp nhất.

Bài 11. Một số hàm cơ bản. Cho bảng dữ liệu sau:

BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÂN PHỐI NHIÊN LIỆU

TT	Chứng từ	Đơn vị nhận	Số lượng	Xăng		Gas		Dầu lửa	
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	X001C	Công ty Mây trắng	100						
2	G001K	Mây xanh Co	150						
	X002K	Đội xe	200						
	L001C	Công ty ABC	100						
	L002C	Công ty ANZ	50						
	G002C	XN cơ khí	120						
	G003K	XN đóng tàu	80						
	Tổng cộng								

Bảng giá

Mặt hàng	KD	CC
Xăng	500	150
Gas	450	120
Dầu lửa	200	100

- Căn cứ vào ký tự đầu tiên của Chứng từ để phân bổ số lượng vào các cột Số lượng của Xăng, Gas và Dầu lửa.
 - Nếu ký tự đầu của chứng từ là X thì số lượng được phân bổ vào cột Xăng.
 - Nếu ký tự đầu của chứng từ là G thì số lượng được phân bổ vào cột Gas.
 - Nếu ký tự đầu của chứng từ là L thì số lượng được phân bổ vào cột Dầu lửa.
- Tính thành tiền cho mỗi cột = Số lượng * Đơn giá

Trong đó đơn giá dựa vào bảng giá, có 2 loại giá: giá cung cấp (CC) và giá kinh doanh (KD); nếu ký tự phải của chứng từ là C thì lấy giá cung cấp, ngược lại lấy giá kinh doanh.
- Tính tổng cho mỗi cột.
- Tính tổng số chứng từ phải xuất HĐ = Tổng của các số là ký tự thứ 4 của mã chứng từ.
- Trích xuất ra một danh sách mới với điều kiện Số lượng > 100.

Bài 12. Một số hàm cơ bản. Cho bảng dữ liệu sau:

TỔNG HỢP SỐ LIỆU KHÁCH THUÊ PHÒNG KHÁCH SẠN

TT	Họ tên khách hàng	Số phòng	Ngày vào	Ngày ra	Số ngày ở	Số tuần	Số ngày lẻ
1	Trần Thanh	100VIP	30/09/2012	05/10/2012			
2	Phạm Hùng	201NOM	23/09/2012	04/10/2012			
3	Lê Ngọc	205NOM	06/09/2012	15/09/2012			
4	Phạm Hùng	209NOM	12/09/2012	16/09/2012			
5	Nguyễn Thành	102NOM	28/09/2012	29/09/2012			
6	Lê Hoài	107VIP	25/09/2012	26/09/2012			
7	Vũ Ngọc	209NOM	18/09/2012	21/09/2012			
8	Nguyễn Mai	210VIP	10/09/2012	11/09/2012			
9	Mộng Mơ	202VIP	22/09/2012	26/09/2012			
	Tổng cộng						

- a) Tính Số ngày ở = Ngày vào - Ngày ra. Tính Số tuần, Số ngày lẻ (dùng hàm INT, MOD)
- b) Tính tổng Số ngày ở, Tổng số tuần, Tổng số ngày lẻ.

Bài 13. Hàm dò tìm (VLOOKUP). Cho bảng dữ liệu sau:

BẢNG LƯƠNG CÁN BỘ CÔNG TY ANZ

TT	Họ tên	Mã ngạch	Tên ngạch	Tên đơn vị	Lương CB	Thực lĩnh
001	Đào Hoa Mai	1003		Phòng Hành chính	1,200,000	
002	Ngô Văn Nhu	1002		Phòng Hành chính	1,850,000	
003	Nguyễn Hương	1001		Phòng QLCL	1,600,000	
004	Quốc Khánh	1003		Phòng Khoa học	950,000	
005	Phạm Thành	1002		Phòng Quản trị	1,000,000	
006	Trần Thuý	6033		Phòng Tài chính	2,000,000	
007	Nguyễn Hương	1003		Phòng Thiết bị	2,200,000	
008	Lê Dung	1003		Phòng Kinh doanh	1,800,000	

Bảng mã ngạch và phụ cấp

Mã ngạch	Tên ngạch công chức	Phụ cấp (%)
1001	Chuyên viên cao cấp	0.25
1002	Chuyên viên chính	0.20
1003	Chuyên viên	0.10
6033	Kỹ sư	0.05

Yêu cầu: Dựa vào Bảng danh mục “Bảng mã ngạch và phụ cấp” hãy dùng hàm VLOOKUP để điền dữ liệu vào 2 cột Tên ngạch và Thực lĩnh.

Trong đó: Thực lĩnh = Lương cơ bản + (Phụ cấp * Lương cơ bản)

Bài 14. Hàm dò tìm (VLOOKUP). Cho bảng dữ liệu sau:

BẢNG THỐNG KÊ MUA BÁN HÀNG HÓA

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá nhập	SL nhập	Thành tiền	Giá xuất	SL xuất	Tiền xuất
1	Pa0A12							
2	Pa0C15							
3	Sa0B2							
4	To0C23							
5	Hi0C12							
6	Hi0A13							
7	To0B12							
8	Sa0B2							
	Cộng:							

Bảng mã

Mã hàng	Tên hàng	Giá nhập	SL nhập	SL xuất
Pa	Máy điều hòa Parasonic	300	115	95
To	Máy điều hòa Tosiba	250	85	56
Sa	Máy điều hòa Samsung	210	120	75
Hi	Máy điều hòa Hitachi	220	68	35

- Dựa vào mã hàng và Bảng mã, điền số liệu cho các cột: Tên hàng, Giá nhập, Số lượng nhập, Số lượng xuất.
- Tính Thành tiền = Giá nhập * Số lượng nhập.
- Tính Giá xuất dựa vào Mã hàng: nếu Mã hàng có ký tự thứ 4 (tính từ bên trái) là A thì Giá xuất=Giá nhập+15, nếu là B thì Giá xuất = Giá nhập+12, còn lại Giá xuất =Giá nhập+10
- Tính Tiền xuất dựa vào giá xuất và số lượng xuất, định dạng đơn vị tiền tệ là USD.
- Tính tổng cộng cho mỗi cột.
- Chèn thêm cột Ghi chú ở cuối.
- Điền thông tin cho cột ghi chú như sau: nếu SL nhập – SL xuất >=60 thì ghi “Bán chậm”, nếu SL nhập – SL xuất >=30 thì ghi “Bán được”, còn lại ghi “Bán chạy”.

Bài 15. Hàm dò tìm (VLOOKUP). Cho bảng dữ liệu sau:

BẢNG THEO DÕI VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Năm 2012

TT	Mã	Tên hàng	Ngày nhập	Ngày bán	Nhận xét	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	B2	Giấy	12/05/2012	15/05/2012		100		
2	A1	Vải bông	01/07/2012	17/10/2012		200		
3	D1	Xi măng	30/07/2012	28/09/2012		300		
4	C2	Gạch	01/02/2012	12/10/2012		120		
5	A2	Vải bông	30/07/2012	28/09/2012		400		
6	B3	Bìa	12/05/2012	15/05/2012		1500		
7	D2	Xi măng	27/07/2012	28/09/2012		300		
8	C1	Vôi	04/02/2012	15/10/2012		120		
9	A3	Vải bông	22/08/2012	28/09/2012		400		
10	B4	Giấy	12/07/2012	12/09/2012		1500		

a) Lập công thức điền giá trị vào cột Nhận xét theo quy định sau:

1. Nếu thời gian lưu kho ≤ 30 ghi nhận xét : Bán chạy
2. Nếu $30 < \text{thời gian lưu kho} \leq 90$ ghi nhận xét : Bán được
3. Nếu thời gian lưu kho > 90 ghi nhận xét : Bán chậm

b) Dựa vào Ký tự đầu của Mã và Bảng tra cứu dưới đây, dùng hàm VLOOKUP để điền thông tin vào cột Đơn giá

Bảng tra cứu giá

Mã đầu	Đơn giá
A	100
B	200
C	300
D	120

c) Tính cột Thành tiền = Số lượng x Đơn giá x 1.1; định dạng tiền Việt Nam.

d) Hoàn thành bảng thống kê sau:

Tên hàng	Tổng số lượng	Tổng thành tiền
Giấy		
Vải bông		
Xi măng		
Gạch		

Bài 16. Hàm dò tìm (HLOOKUP), các hàm thống kê. Cho bảng dữ liệu sau:

BẢNG THEO DÕI THANH TOÁN PHÒNG Ở KHÁCH SẠN HOA HỒNG

TT	Loại phòng	Ngày đi	Ngày đến	Số ngày	Số người	Giá phòng	Giá phụ thu	Tiền phòng
1	A	10/05/2012	22/05/2012		3			
2	B	23/07/2012	19/08/2012		1			
3	A	12/06/2012	19/08/2012		2			
4	B	26/05/2012	07/06/2012		4			
5	C	19/08/2012	25/08/2012		1			
6	A	12/08/2012	15/08/2012		2			
7	B	23/09/2012	30/09/2012		4			
8	A	14/09/2012	16/09/2012		1			
9	A	24/11/2012	01/12/2012		2			
10	B	20/10/2012	20/10/2012		2			
	Cộng:							

Bảng mã đơn giá phòng chia theo loại A, B, C

Loại	A	B	C
Giá 1	80	65	50
Giá 2	100	85	60
Phụ thu	35	25	15

- Số ngày = Ngày đi - Ngày đến, nếu ngày đi trùng với ngày đến thì tính 1 ngày.
- Giá phòng dựa vào loại phòng và bảng đơn giá phòng, nếu phòng có 1 người thuê thì lấy giá 1, nếu có từ 2 người trở lên thì giá 2.
- Giá phụ thu dựa vào loại phòng và bảng giá phụ thu.
- Tiền phòng = Số ngày * (Giá phòng + Giá phụ thu), nhưng nếu khách thuê phòng trên 10 ngày thì được giảm 10% giá phụ thu.
- Thống kê số tiền thu được theo từng loại phòng.

Loại	Số người ở	Số tiền thu được
A	80	65
B	100	85
C	35	25

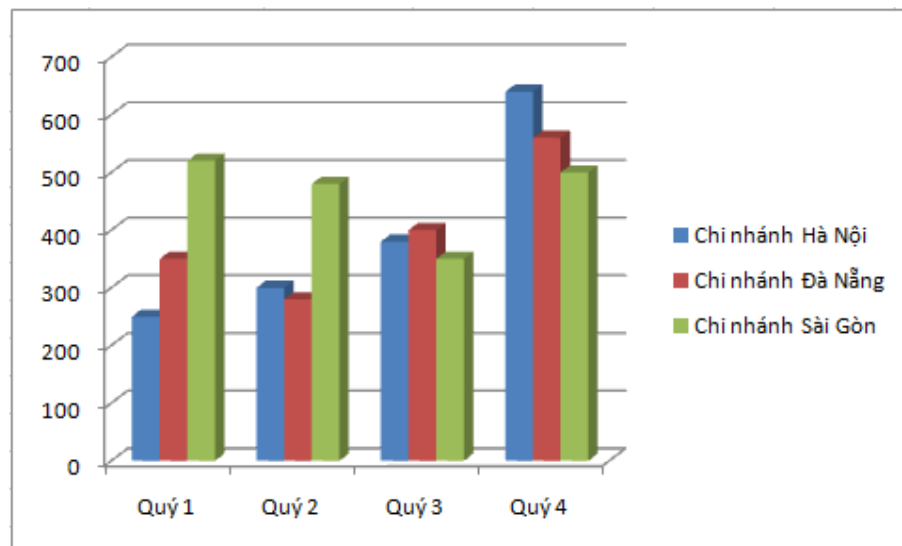
Phần 3: Biểu đồ

Bài 17. Cho bảng dữ liệu sau:

Tổng hợp doanh số bán hàng của 3 chi nhánh Công ty ANZ năm 2012

Chi nhánh	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
Chi nhánh Hà Nội	250	300	380	640
Chi nhánh Đà Nẵng	350	280	400	560
Chi nhánh Sài Gòn	520	480	350	500

a) Vẽ đồ thị như sau:



b) Chỉnh sửa đồ thị theo yêu cầu sau:

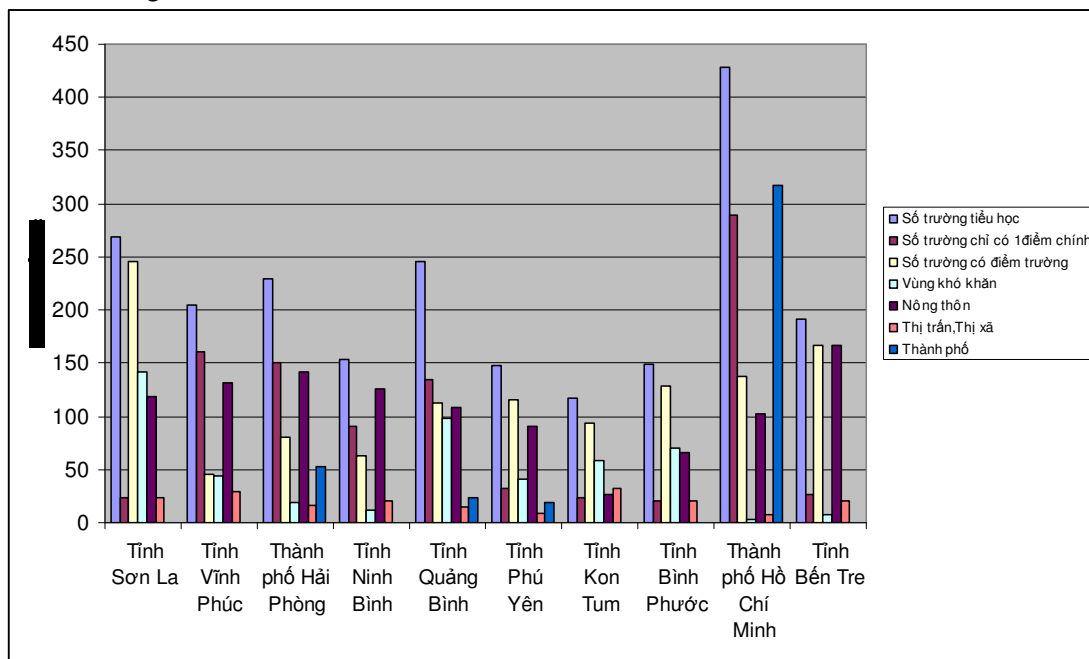
- Thay đổi kiểu tô nền cho Series dữ liệu
- Thêm tiêu đề cho đồ thị “Tổng hợp doanh số bán hàng của 3 chi nhánh Công ty ANZ năm 2012”.
- Hiện thị giá trị cho mỗi cột.

c) Xoay chiều biểu diễn của đồ thị. Gợi ý: Vào Design/Data/Switch Row/Column

Bài 18. Cho bảng dữ liệu sau:

Đơn vị	Số trường tiểu học	Số trường chỉ có 1 điểm chính	Số trường có điểm trường	Vùng khó khăn	Nông thôn	Thị trấn, Thị xã	Thành phố
Tỉnh Sơn La	269	23	246	142	119	23	0
Tỉnh Vĩnh Phúc	205	160	45	44	132	29	0
TP. Hải Phòng	230	150	80	19	142	16	53
Tỉnh Ninh Bình	154	91	63	11	126	20	0
Tỉnh Quảng Bình	246	134	112	98	108	14	23
Tỉnh Phú Yên	148	32	116	41	90	9	19
Tỉnh Kon Tum	117	24	93	59	26	32	0
Tỉnh Bình Phước	149	21	128	70	66	20	0
TP Hồ Chí Minh	428	290	138	3	102	8	317
Tỉnh Bến Tre	192	26	166	7	166	21	0

Dựa vào bảng số liệu trên để vẽ đồ thị như sau:

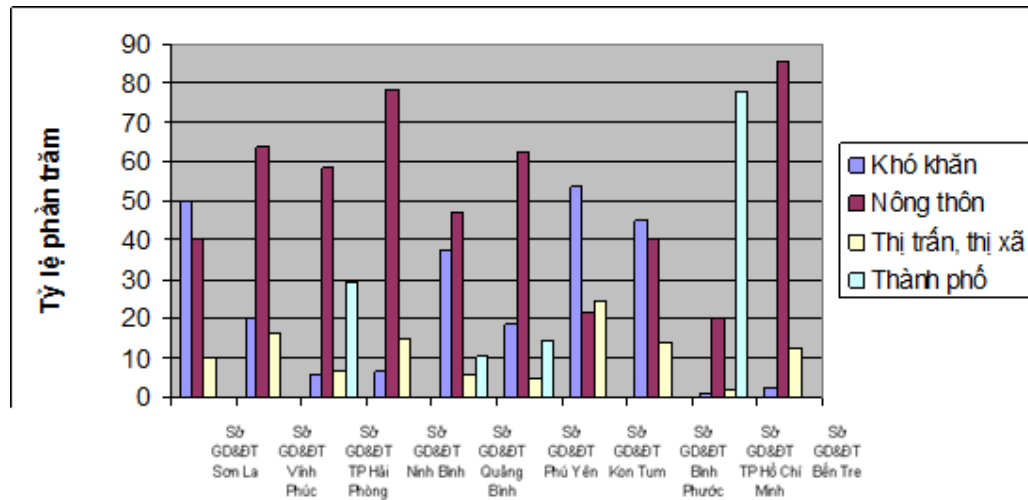


Bài 19. Cho bảng dữ liệu sau:

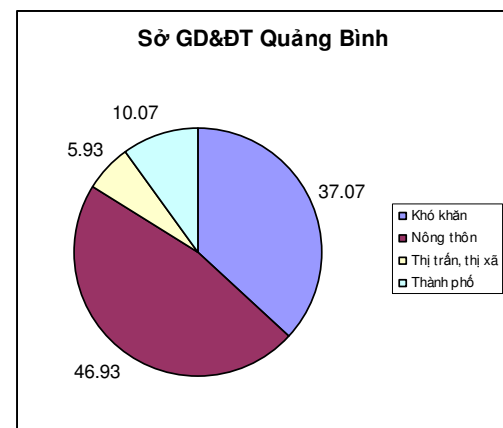
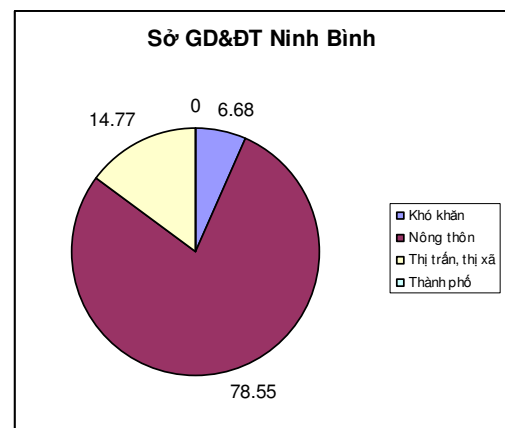
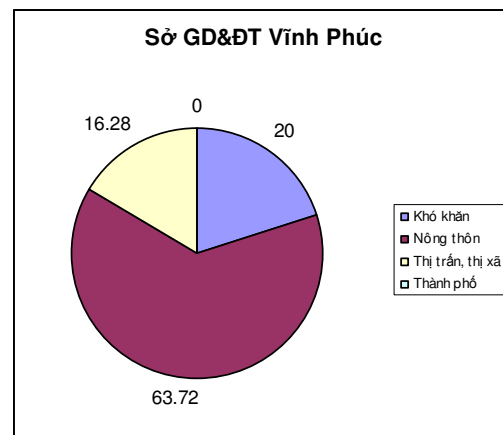
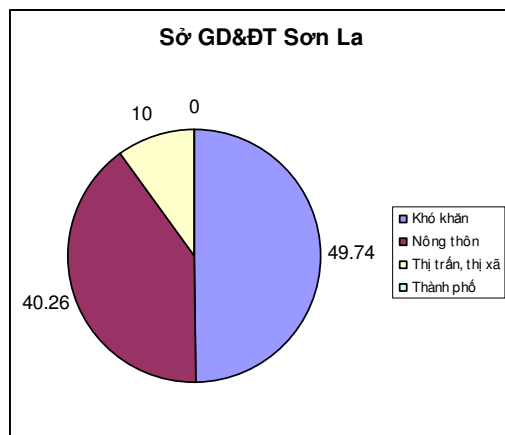
Đơn vị	Khó khăn	Nông thôn	Thị trấn, thị xã	Thành phố
Tỉnh Sơn La	49.74	40.26	10	0
Tỉnh Vĩnh Phúc	20	63.72	16.28	0
Thành phố Hải Phòng	5.64	58.5	6.51	29.35
Tỉnh Ninh Bình	6.68	78.55	14.77	0
Tỉnh Quảng Bình	37.07	46.93	5.93	10.07
Tỉnh Phú Yên	18.34	62.58	4.67	14.41
Tỉnh Kon Tum	53.52	21.85	24.63	0
Tỉnh Bình Phước	45.2	40.69	14.11	0
Thành phố Hồ Chí Minh	0.64	19.89	1.69	77.78
Tỉnh Bến Tre	2.54	85.38	12.08	0

Dựa vào bảng số liệu trên để vẽ các đồ thị như sau:

a) Biểu đồ so sánh số trường tiểu học chia theo vùng miền của 10 tỉnh



b) Biểu đồ so sánh sự phân bố các trường tiểu học chia theo vùng miền trên từng tỉnh



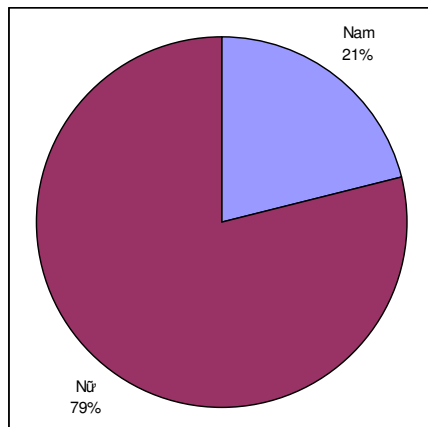
Tương tự cho các tỉnh khác ...

Bài 20. Cho bảng dữ liệu sau:

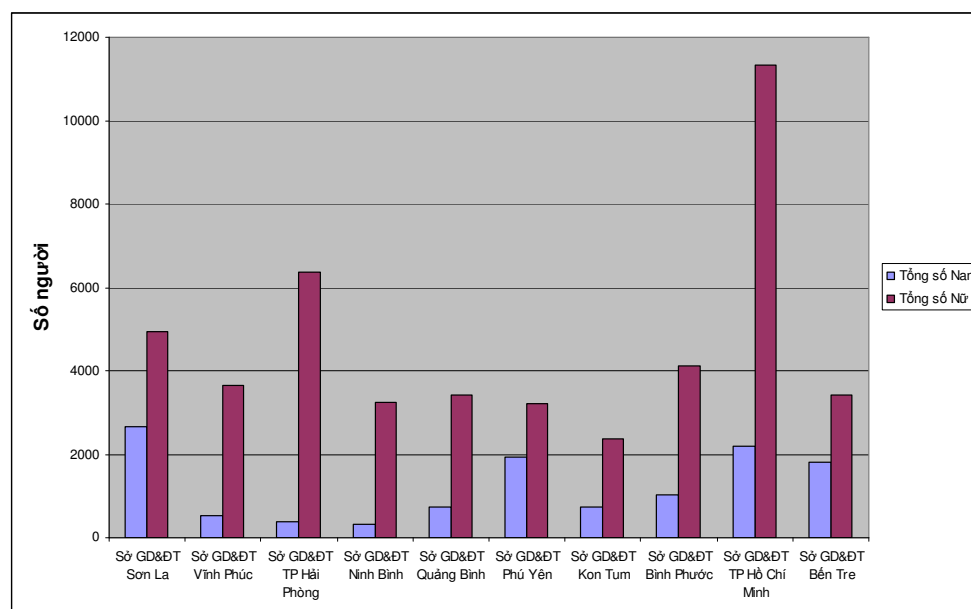
Tỉnh /TP	Giới tính		Độ tuổi				Thâm niên công tác					
	Nam	Nữ	Dưới 31	31-40	41-50	Trên 50	1 năm	2 - 5 năm	6-10 năm	11-20 năm	21-30 năm	Trên 30 năm
Tỉnh Sơn La	2660	4921	2177	2756	2275	373	5	240	2525	2749	1718	344
Tỉnh Vĩnh Phúc	537	3639	628	2042	955	551	76	299	729	1770	768	534
Thành phố Hải Phòng	389	6370	1906	2998	1477	378	37	868	1524	2729	1286	315
Tỉnh Ninh Bình	325	3237	160	2226	778	398	0	14	276	2277	635	360
Tỉnh Quảng Bình	727	3422	662	1506	1499	482	0	233	748	1473	1381	314
Tỉnh Phú Yên	1938	3203	888	1905	1907	441	3	140	1064	1724	1735	475
Tỉnh Kon Tum	730	2368	960	1490	591	57	2	372	1041	1227	385	71
Tỉnh Bình Phước	1027	4110	2001	2194	776	166	13	713	1855	1869	553	134
TP Hồ Chí Minh	2195	11324	2551	5665	4140	1163	185	1348	2401	5010	3894	681
Tỉnh Bến Tre	1816	3423	706	2243	1796	494	1	164	870	2129	1638	437

Dựa vào bảng số liệu trên để vẽ các đồ thị như sau:

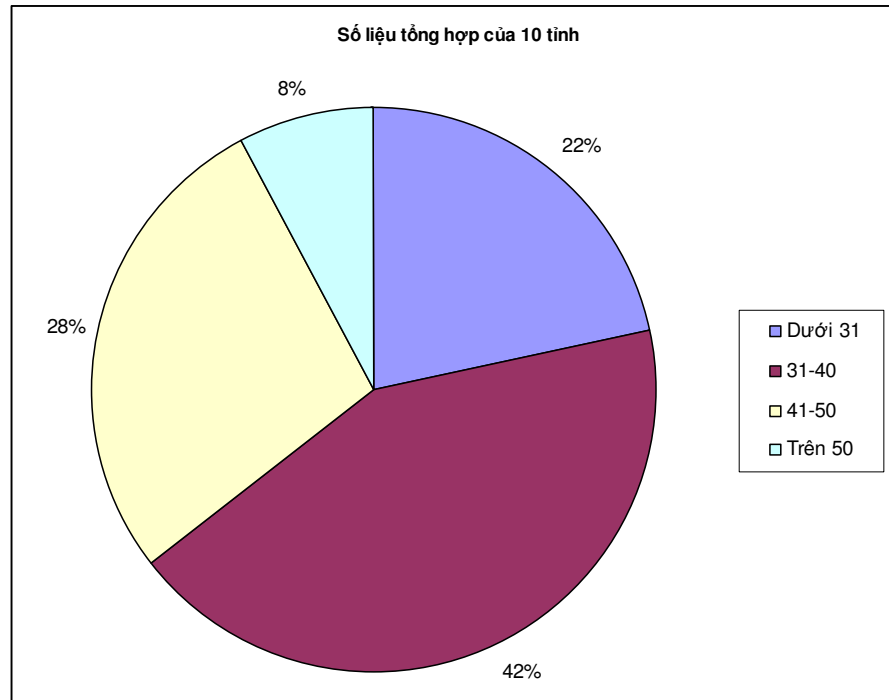
- a) Tổng hợp số liệu giáo viên của 10 tỉnh chia theo giới tính



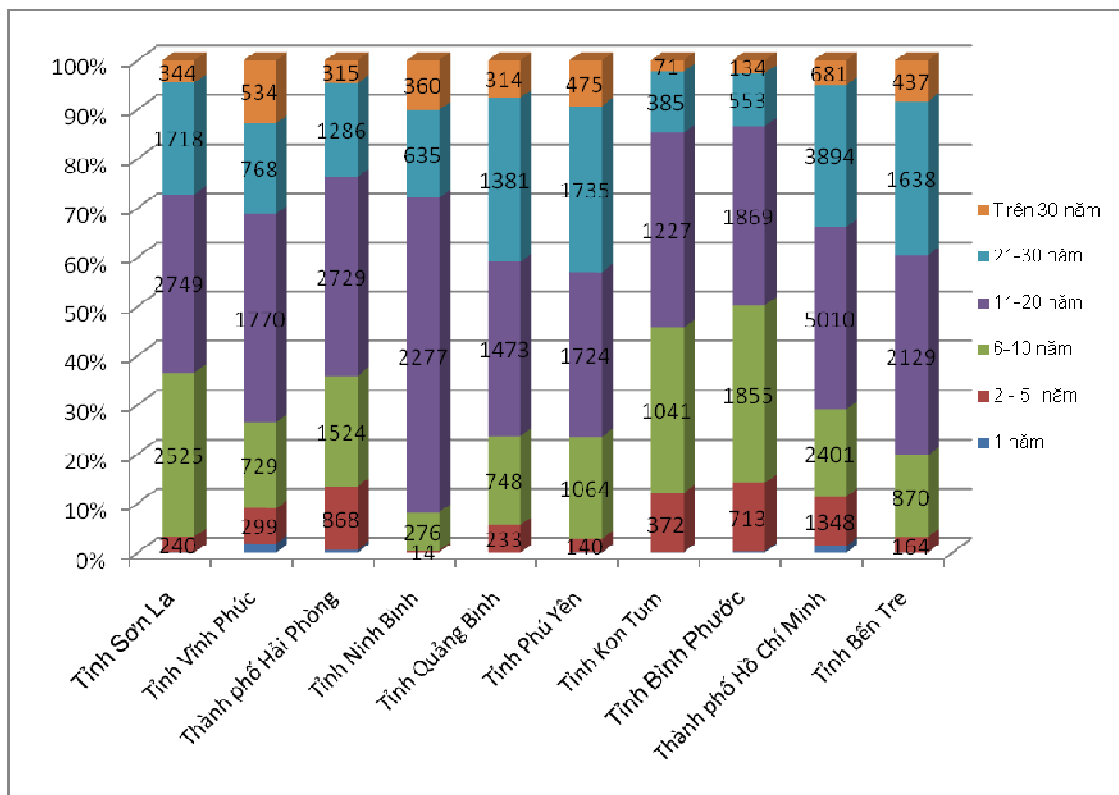
- b) Tổng hợp số liệu giáo viên chia theo từng tỉnh chỉ theo giới tính



c) Biểu đồ tổng hợp số lượng giáo viên chia theo độ tuổi



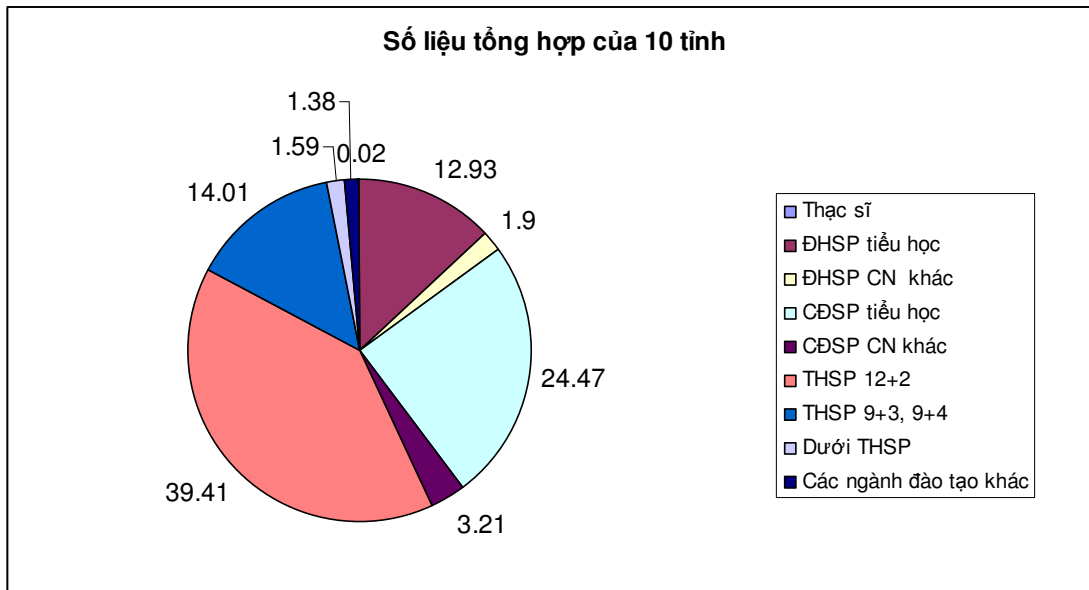
d) Biểu đồ tổng hợp số lượng giáo viên chia theo thâm niên của từng tỉnh



Bài 21. Cho bảng dữ liệu sau:

Đơn vị	Thạc sĩ	ĐHSP tiểu học	ĐHSP CN khác	CĐSP tiểu học	CĐSP CN khác	THSP 12+2	THSP 9+3, 9+4	Dưới THSP	Các ngành đào tạo khác
Tỉnh Sơn La	0.03	4.87	0.38	29.68	1.04	29.26	32.08	2.06	0.13
Tỉnh Vĩnh Phúc	0.05	19.35	1.22	22.41	3.5	47.22	1.72	1.15	2.8
Thành phố Hải Phòng	0.03	18.15	2.62	47.86	5.89	16.85	0.64	0.33	6.63
Tỉnh Ninh Bình	0.03	15.3	0.25	43.77	1.66	36.33	0.76	1.29	0.53
Tỉnh Quảng Bình	0.05	10.32	1.25	16.29	2.63	61.89	5.04	1.83	0.39
Tỉnh Phú Yên	0	13.3	2.3	23.71	5.58	46.94	6.85	0.95	0.12
Tỉnh Kon Tum	0	23.11	0.9	14.46	0.16	18.98	35.02	6.58	0.19
Tỉnh Bình Phước	0	7.07	1.44	6.05	0.66	29.34	52.17	2.84	0.06
Thành phố Hồ Chí Minh	0.02	16.36	3.66	19.38	4.04	46.43	4.82	1.01	1.29
Tỉnh Bến Tre	0.04	3.68	1.41	19.6	3.99	57.76	11.95	0.84	0.15
Tổng cộng	0.02	12.93	1.9	24.47	3.21	39.41	14.01	1.59	1.38

Dựa vào bảng số liệu trên để vẽ các đồ thị như sau:



Phần 4: Bài tập tổng hợp

Bài 22. Bài tập tổng hợp (hàm cơ bản, thống kê, VLOOKUP). Cho bảng dữ liệu sau:

BẢNG CHI TIẾT NHẬP XUẤT HÀNG HOÁ QUÍ IV/2012

Ngày	Mã hàng	Tên hàng	Loại	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thuế	Thành tiền
10/20/2012	DBH-DB-N			kg	150			
10/15/2012	GTL-TB-N			kg	700			
10/01/2012	DBH-TB-X			kg	500			
10/07/2012	GTL-DB-X			kg	1250			
09/05/2012	DQN-TB-N			kg	975			
09/08/2012	GNT-DB-X			kg	380			
08/16/2012	DQN-DB-N			kg	2375			
05/03/2012	DBH-DB-X			kg	3000			
07/13/2012	GNT-TB-N			kg	5320			
08/14/2012	DQN-TB-X			kg	680			

Bảng 1: Danh mục hàng hóa

Mã hàng	Tên hàng
DBH	Đường Biên Hoà
DQN	Đường Quảng Nam
GTL	Gạo Thái Lan
GNT	Gạo nếp thơm

Bảng 2: Đơn giá

Loại	DB	TB
DBH	45000	42000
DQN	4000	38000
GTL	6000	56000
GNT	62000	5800

- Dùng hàm VLOOKUP điền cột Tên hàng dựa vào 3 ký tự đầu của Mã hàng và Bảng 1.
- Điền thông tin vào cột Loại dựa vào 2 ký tự thứ 5 và thứ 6 của Mã hàng, nếu là DB thì loại là Đặc Biệt nếu là TB thì loại là Trung bình.
- Điền thông tin vào cột Đơn giá dựa vào Mã hàng và Bảng 2 biết rằng:
 - Nếu ký tự cuối của Mã hàng là N (Nhập) thì đơn giá thực của mặt hàng đó thấp hơn đơn giá cho trong bảng 2 là 5%.
 - Nếu ký tự cuối của Mã hàng là X (Xuất) thì đơn giá thực của mặt hàng đó cao hơn đơn giá cho trong bảng 2 là 10%.
- Điền thông tin vào cột Thuế biết rằng:
 - Nếu mặt hàng là nhập thì thuế của 1 kg sẽ bằng 0.2% đơn giá thực.
 - Nếu mặt hàng là xuất thì thuế của 1 kg sẽ bằng 0.5% đơn giá thực.
- Tính cột Thành tiền, biết rằng: Thành tiền = Số lượng * Đơn giá - Thuế
- Thống kê tổng số tiền thu được theo từng mặt hàng; vẽ đồ thị so sánh theo kết quả.

Bài 23. Bài tập tổng hợp (hàm cơ bản, thống kê, VLOOKUP). Cho bảng dữ liệu sau:

BẢNG THEO DÕI CHI TIẾT BÁN HÀNG CÔNG TY ABC

Mã hàng	Tên hàng	Loại hàng	Ngày bán (mm/dd/yyyy)	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
PEA			11/01/2002		90	
VTB			11/05/2002		120	
SGA			11/09/2002		70	
VTB			11/14/2002		160	
ELB			11/18/2002		60	
PEB			11/21/2002		75	
SGB			11/25/2002		65	
VTB			11/27/2002		98	
ELA			11/29/2002		130	
PEB			11/30/2002		180	

Bảng mã

Mã hàng	Tên hàng	Đơn giá	
		Loại 1	Loại 2
EL	Elf Gas	120000	100000
PE	Petrolimex	115000	95000
SG	Sài Gòn Petro	125000	110000
VT	VT Gas	110000	90000

- Xác định tên hàng căn cứ vào hai ký hiệu đầu của Mã hàng và Bảng 1.
- Xác định loại hàng căn cứ vào ký hiệu cuối của Mã hàng: nếu là A thì ghi 1, B thì ghi 2.
- Xác định đơn giá theo Mã hàng, Loại hàng và Bảng mã.
- Tính cột Thành tiền= Số lượng * Đơn giá
- Hoàn thành bảng thống kê sau:

Tên hàng	Số lượng	Tổng số tiền
Elf Gas		
Petrolimex		
Sài Gòn Petro		
VT Gas		

- Vẽ biểu đồ so sánh số liệu trong bảng thống kê trên.

Bài 24. Bài tập tổng hợp (hàm cơ bản, thống kê, VLOOKUP). Cho bảng dữ liệu sau:

CÔNG TY XUẤT KHẨU Ô TÔ AZ

Mã hàng	Tên xe	Nước lắp ráp	Giá xuất xưởng	Thuế	Giá thành
TOZAVN					
FOLAVN					
TOCONB					
MIJOVN					
TOCAVN					
FOLANB					
MIPAVN					
FOESVN					
MIJONB					

Bảng 1

Mã hiệu	TO	FO	MI
Nhãn hiệu	TOYOTA	FORD	MITSUBISHI

Bảng 2

Mã loại	Loại xe	Đơn giá (USD)	
		VN	NB
CO	COROLLA	20500	21500
CA	CAMRY	36300	37000
ZA	ZACE	20000	22000
LA	LASER	21500	23000
ES	ESCAPE	34000	35000
JO	JOLIE	20000	21000
PA	PAJERO	36000	38000

- Điền vào cột Tên xe: gồm hiệu xe và loại xe. Hiệu xe căn cứ vào 2 ký tự đầu của mã hàng tra trong bảng 1 (dùng HLOOKUP), loại xe căn cứ vào ký tự 3, 4 trong mã hàng tra trong bảng 2 (dùng VLOOKUP) và được thể hiện như ví dụ sau: FORD LASER.
- Điền vào cột Nước lắp ráp: căn cứ vào 2 ký tự cuối của mã hàng, nếu VN thì ghi là Việt Nam, nếu NB thì ghi là Nhật Bản.
- Tính Giá xuất xưởng căn cứ vào Mã loại và nước lắp ráp, dò tìm trong Bảng 2.
- Tính Thuế: nếu xe được lắp ráp ở Việt Nam thì không có thuế ngược lại thuế bằng 10% giá xuất xưởng.

- e) Giá thành = Giá xuất xưởng + Thuế, định dạng tiền theo dạng VNĐ.
- f) Hoàn thành bảng thống kê sau. Gợi ý: Dùng hàm Sumif và dùng ký tự đại diện * trong điều kiện tính toán (Ví dụ: “MITSUBISHI*”).

Nhãn hiệu	Số lượng
TOYOTA	
FORD	
MITSUBISHI	

- g) Vẽ biểu đồ so sánh số liệu trong bảng thống kê trên.

Bài 25. Bài tập tổng hợp (hàm cơ bản, thống kê, VLOOKUP). Cho bảng dữ liệu sau:

BÁO CÁO TỔNG HỢP CƯỚC PHÍ BƯU KIẾN

STT	Mã bưu kiện	Nơi đến	Phương tiện	Hình thức	Trọng lượng (gram)	Giá cước	Thành tiền
1	01USN				500		
2	01USE				200		
3	02AUE				50		
4	01SIE				250		
5	02USN				150		
6	01SIN				800		
7	02AUN				250		
8	01AUE				600		

Bảng 1

Mã nước	Tên nước	Giá theo phương tiện	
		01	02
US	USA	19000	18000
FR	France	17000	16000
AU	Australia	14000	12000
SI	Singapore	12000	10500

Bảng 2

Mã phương tiện	01	02
Tên phương tiện	Máy bay	Tàu thủy

Cho biết:

- 2 ký tự đầu trong Mã bưu kiện cho biết Mã phương tiện
- Ký tự 3, 4 trong Mã bưu kiện cho biết Mã nước
- Ký tự cuối trong Mã bưu kiện cho biết hình thức gửi

Điền dữ liệu vào những ô còn trống theo yêu cầu sau:

- a) Nơi đến: Dựa theo Mã nước dò tìm trong Bảng 1.
- b) Phương tiện: Dựa theo Mã phương tiện dò tìm trong Bảng 2.
- c) Hình thức: Nếu ký tự cuối là N -> “Bình thường”; nếu là E -> “Nhanh”

- d) Giá cước: Dựa theo mã nước và mã phương tiện dò tìm trong Bảng 1. Gợi ý: Dùng hàm VLOOKUP kết hợp hàm If để dò tìm.
- e) Thành tiền = Trọng lượng * Đơn giá. Nếu hình thức gửi là Nhanh thì tăng 10% thành tiền. Định dạng cột thành tiền theo dạng Việt Nam đồng.
- f) Hoàn thành bảng thống kê dưới đây. Vẽ đồ thị so sánh số liệu trong bảng kết quả.

Thống kê doanh thu theo hình thức gửi

Phương tiện	Bình thường	Nhanh
Máy bay		
Tàu thủy		

Bài 26. Bài tập tổng hợp (hàm cơ bản, thống kê, VLOOKUP). Cho bảng dữ liệu sau:

SỔ THEO DÕI BÁN HÀNG THÁNG 4/2012, CÔNG TY ANZ

TT	Ngày bán	Mã hàng	Tên hàng	Tốc độ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	3/12/2003	PH40X			5			
2	3/12/2003	SA52X			12			
3	3/18/2003	PH56X			8			
4	3/25/2003	LG52X			7			
5	4/5/2003	AS40X			11			
6	4/10/2003	AS56X			6			
7	4/28/2003	AS52X			14			
8	5/2/2003	PH60X			9			

Cho biết:

- Hai ký tự đầu trong Mã hàng cho biết Mã sản xuất
- Ký tự còn lại cho biết tốc độ của CD-ROM

Bảng 1

Mã sản xuất	Tên hãng
PH	Philips
SA	Samsung
LG	LG/Cyber
AS	Asus

Bảng 2

Tốc độ	Giá (USD) phụ thuộc vào số lượng	
	<=10	>10
40	19	17.5
52	28	26
56	34	32.5
60	38	36

Điền dữ liệu vào những ô còn trống theo yêu cầu sau:

- a) Tên hàng: Dựa theo Mã hàng dò tìm trên Bảng 1 để lấy tên Hãng sản xuất và thể hiện như sau “CD-ROM” + Tên hãng. Ví dụ: CD-ROM Samsung.
- b) Tốc độ: Dựa vào 2 ký tự thứ 3,4 của Mã hàng và đổi thành kiểu số.

c) Đơn giá: Dựa theo tốc độ CD và số lượng, dò tìm trên Bảng 2 để lấy đơn giá.

d) Thành tiền=Đơn Giá * Số lượng * Tỷ giá; định dạng thành kiểu VND.

Tỷ giá: 1 USD = 21500 VNĐ.

e) Ghi chú: ghi “Tặng ổ cứng” đối với mặt hàng của hãng Asus và có số lượng >5.

f) Hoàn thành bảng thống kê sau. Vẽ đồ thị so sánh theo bảng số liệu tính toán được.

Thống kê theo từng mặt hàng

Mặt hàng	Số lượng	Tổng tiền
Philips		
Samsung		
LG/Cyber		
Asus		

Bài 27. Bài tập tổng hợp (hàm cơ bản, thống kê, VLOOKUP). Cho bảng dữ liệu sau:

BẢNG TỔNG HỢP TIỀN ĐIỆN

Công ty điện lực Thanh Xuân

TT	Chủ hộ	Hình thức sử dụng	Chỉ số trước	Chỉ số sau	Điện tiêu thụ	Tiền điện	Tiền công tơ	Tổng số tiền
1	Hoàng Vân	Sản xuất	125	650				
2	Thanh Bình	Kinh doanh	15	90				
3	Duy Khánh	Tiêu dùng	50	180				
4	Kinh Doanh	Sản xuất	260	580				
5	Mai Lan	Tiêu dùng	75	125				
6	Mùa Thu	Tiêu dùng	0	80				
7	Quảng Bình	Kinh doanh	125	325				

a) Tính Điện tiêu thụ cho mỗi hộ.

b) Dựa vào bảng danh mục dưới đây, sử dụng hàm VLOOKUP, tính Tiền điện (= Điện tiêu thụ x Đơn giá) và Tiền công tơ cho mỗi chủ hộ:

Bảng tiền công tơ và giá điện

Hình thức sử dụng	Tiền công tơ (đ/tháng)	Đơn giá (đ/số)
Sản xuất	20000	2000
Kinh doanh	10000	800
Tiêu dùng	5000	500

c) Tính Tổng số tiền = Tiền điện + Tiền công tơ

d) Hãy cho biết số hộ sử dụng trên 100 số điện.

e) Hoàn thành bảng thống kê sau:

Loại	Số hộ	Tiền
Sản xuất		
Kinh doanh		
Tiêu dùng		

f) Vẽ biểu đồ so sánh theo số liệu của bảng thống kê trên. Hiển thị biểu đồ theo 2 chiều dữ liệu (Design/Data/Switch Row/Column).

Bài 28. Bài tập tổng hợp (hàm cơ bản, thống kê, VLOOKUP). Cho bảng dữ liệu sau:

ĐIỂM THI HẾT HỌC KỲ I - NĂM 2011

TT	Tên	Mã khoa	Tên khoa	Toán	Tin	Điểm TB	Xếp loại	Ghi chú
1	Hùng	ENG		4	7			
2	Bình	ITA		6	8			
3	Vân	RUS		8	9			
4	Bình	ITA		9	10			
5	Doanh	ENG		5	8			
6	Loan	ENG		5	4			
7	Anh	FRA		9	6			
8	Thu	RUS		4	10			
9	Khánh	ITA		6	7			
10	Ngân	ENG		10	8			

a) Dùng hàm VLOOKUP để điền vào cột Tên khoa: Dựa vào cột Mã khoa và bảng sau:

Mã khoa	Tên khoa
ENG	Tiếng Anh
FRA	Tiếng Pháp
RUS	Tiếng Nga
ITA	Tiếng Italia

b) Tính điểm trung bình, biết hệ số Toán là 2, Tin là 3.

c) Căn cứ vào Bảng xếp loại dưới đây thực hiện xếp loại học sinh:

0 ≤ Điểm TB < 5	5 ≤ Điểm TB < 7	7 ≤ Điểm TB < 8	8 ≤ Điểm TB < 9	Điểm TB ≥ 9
Kém	Trung bình	Khá	Giỏi	Xuất sắc

d) Điền vào cột Ghi chú thông tin học bổng theo kết quả xếp loại như sau: Khá -> Loại 3, Giỏi -> Loại 2, Xuất sắc -> Loại 1, còn lại bỏ trống.

e) Hoàn thành bảng thống kê sau; vẽ biểu đồ so sánh KQHT của SV theo xếp loại:

Xếp loại	Số lượng
Kém	
Trung bình	
Khá	
Giỏi	
Xuất sắc	

Bài 29. Bài tập tổng hợp (hàm cơ bản, thống kê, VLOOKUP). Cho bảng dữ liệu sau:

BẢNG LƯƠNG THÁNG 12-2018

Hệ số lương cơ bản: 3.000 USD

TT	Tên	Mã CV	Tiền 1 ngày	Số ngày LV	Phụ cấp CV	Lương	Thu nhập
1	Tuấn	GĐ	50.000	28			
2	Nga	PGĐ	40.000	25			
3	Quỳnh	TP	35.000	27			
4	Vân	PP	30.000	24			
5	Chi	NV	20.000	25			
6	Nga	NV	20.000	27			
7	Sơn	TP	32.000	26			
8	Hiền	NV	20.000	25			
9	Lan	PP	28.000	23			
10	Long	BV	15.000	28			

a) Dựa vào bảng dưới đây, dùng hàm VLOOKUP tính Phụ cấp CV như sau:

Chức vụ	Phụ cấp
GĐ	0
PGĐ	0
TP	150
PP	200
NV	250
BV	400

b) Tính Lương = Tiền 1 ngày x Số ngày LV.

Trong đó, nếu Số ngày LV > 25 ngày thì mỗi ngày vượt trội tính bằng 2 ngày LV.

c) Tính Thu nhập = Lương + Phụ cấp CV.

d) Hoàn thành bảng thống kê sau.

Chức vụ	Số người	Tổng thu nhập	Thu nhập bình quân
TP			
PP			
NV			
BV			

e) Vẽ biểu đồ so sánh thu nhập của cán bộ theo chức vụ.

Bài 30. Bài tập tổng hợp (hàm cơ bản, thống kê, VLOOKUP). Cho bảng dữ liệu sau:

KẾT QUẢ THI CUỐI KỲ LỚP TIN HỌC

Trung tâm Đào tạo XYZ

TT	Tên	Giới tính	Toán	Tin	Đạo đức	Tổng điểm	Xếp loại	Học bổng
1	Hùng	Nam	4	7	D			
2	Bình	Nữ	6	8	A			
	Vân	Nữ	8	9	B			
	Bình	Nam	9	10	A			
	Doanh	Nam	5	8	D			
	Loan	Nữ	5	4	C			
	Anh	Nam	9	6	A			
	Thu	Nữ	4	10	B			
	Khánh	Nam	6	7	C			
	Ngân	Nữ	10	8	B			

- a) Đánh số thứ tự tự động cho cột TT.
- b) Tính **Tổng điểm** như sau: Tổng điểm = Toán + Tin và :
- Cộng thêm 1 điểm vào Tổng điểm cho học sinh đạt Đạo đức A
 - Cộng thêm 0.5 điểm vào Tổng điểm cho học sinh đạt Đạo đức B
 - Trừ Tổng điểm đi 1 cho học sinh đạt Đạo đức D
 - Giữ nguyên Tổng điểm cho Đạo đức C
- c) Căn cứ vào Bảng xếp loại dưới đây thực hiện **Xếp loại** học sinh:

Tổng điểm	Xếp loại
<10	Kém
>=10 và <14	Trung bình
>=14 và <17	Khá
>=17 và <19	Giỏi
>=19	Xuất sắc

- d) Học sinh được **Học bổng** 100 USD, nếu Tổng điểm >= 14 và không có môn nào dưới 5.
- e) Hoàn thành bảng thống kê dưới đây. Sau đó, vẽ biểu đồ đánh giá đạo đức của học sinh.

Đạo đức	Số học sinh
A	
B	
C	
D	

Bài 31. Bài tập tổng hợp (hàm cơ bản, thống kê, VLOOKUP). Cho bảng dữ liệu sau:

KẾT QUẢ KINH DOANH BÁNH MỨT

Tháng 6 năm 2012

Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phí vận chuyển	Tổng chi phí
BN00DP		Cái	20				
BN00DP		Kg	15				
BN00MX		Cái	20				
MU00MX		Kg	25				
BN00GI		Cái	55				
TR00BL		Kg	40				
CF00BL		Kg	35				
CF00BA		Kg	80				
MU00BA		Cái	15				

a) Điền Tên hàng và Đơn giá dựa vào 2 ký tự đầu tiên của Mã hàng và Bảng danh mục sau:

Mã hàng	Tên hàng	Đơn giá	Phí vận chuyển
BN	Bánh ngọt	80000	1000
MU	Mứt	50000	500
TR	Trà	40000	300
CF	Cà phê	70000	700

b) Thành tiền = Số lượng * Đơn giá. Nếu số lượng >25 thì giảm 10% của thành tiền, ngược lại không giảm.

c) Tính Tổng chi phí = Thành tiền + (Phí vận chuyển * Số lượng).

d) Thực hiện bảng thống kê dưới đây:

Tên hàng	Bánh ngọt	Mứt	Trà	Cà phê
Tổng chi phí				

e) Vẽ biểu đồ với số liệu là bảng thống kê trên.

ÔN TẬP

Phần 1: Làm quen với MS Word

1. Thanh công cụ và hệ thống menu;
2. Các thao tác với tệp
3. Cách hiển thị, di chuyển tài liệu

Phần 1: Làm quen với Excel

4. Tìm hiểu về môi trường Excel, các nhóm lệnh trên thanh Ribbon
5. Các thao tác với Workbook, Worksheet
6. Thao tác với ô, vùng;
7. Thêm, xóa chỉnh sửa hàng, cột.

Phần 2: Làm việc với dữ liệu trong Excel

8. Cách nhập liệu tại các ô
9. Định dạng bằng Format Cells
10. Sắp xếp và lọc dữ liệu.

Phần 3: Các hàm số trong Excel

11. Hiểu và biết cách dùng các hàm (6 nhóm hàm: các hàm đã liệt kê cụ thể) để tính toán những bảng biểu đơn giản.
12. Đặc biệt lưu ý cách nhập, định dạng và tính toán dữ liệu kiểu ngày tháng năm; và cách sử dụng hàm dò tìm dữ liệu VLOOKUP, HLOOKUP.

Phần 4: Biểu đồ

13. Cách tạo và sửa biểu đồ

Phần 5: In ấn

14. Cách thiết lập Header, Footer và các thông số khác để có thể in ấn đẹp.